



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO**  
**TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**LƯU VỰC SÔNG TRÀ KHÚC**  
**THÁNG 12 NĂM 2024**

**HÀ NỘI, THÁNG 12/2024**

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước  
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034  
Website: [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn); Email: [vtttcddbttnn@monre.gov.vn](mailto:vtttcddbttnn@monre.gov.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. LỜI GIỚI THIỆU .....</b>	<b>3</b>
<b>II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT.....</b>	<b>5</b>
2.1 Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1 Mực nước .....	5
2.1.2 Chất lượng nước.....	11
2.2 Dự báo mực nước dưới đất .....	12
2.2.1 Tầng chứa nước Holocene (qh).....	12
2.2.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	12
2.3 Cảnh báo mực nước dưới đất.....	13
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>13</b>
<b>GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT (QCVN 09:2023/BTNMT) .....</b>	<b>14</b>

## I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất trên lưu vực sông Trà Khúc được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về dự báo mực nước dưới đất tại các tầng chứa nước chính và đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Lưu vực sông Trà Khúc là một trong những lưu vực sông ở Việt Nam, phân bố chủ yếu ở tỉnh Quảng Ngãi với diện tích lưu vực 6.111km<sup>2</sup>. Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Trong lưu vực sông Trà Khúc hiện nay có 10 điểm - 11 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia xây dựng và đưa vào vận hành.

Đối với tài nguyên nước dưới đất, lưu vực sông Trà Khúc bao gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocene (qh) và tầng chứa nước Pleistocene (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước: tầng chứa nước qh là 903.356 m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp là 533.806 m<sup>3</sup>/ngày.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất tháng 11, chất lượng nước mùa khô năm 2024 và dự báo mực nước dưới đất tháng 12 tại các tầng chứa nước chính cho toàn lưu vực sông, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng trong phạm vi 11 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: [dttnnddat@monre.gov.vn](mailto:dttnnddat@monre.gov.vn)

Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewafogov.vn](http://cewafogov.vn)

Trong tháng 11 mực nước dưới đất trung bình so với tháng trước có xu thế dâng tại tầng chứa nước qh và qp, chất lượng nước tốt và ít biến động trong các tầng chứa nước thuộc địa bàn tỉnh, trừ chỉ tiêu Fe và NH<sub>4</sub> có hàm lượng vượt GTGH tại theo QCVN 09:2023/BTNMT.

Dự báo mực nước dưới đất tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng tại tầng chứa nước qh và qp.

Trên lưu vực sông Trà Khúc thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước trung bình tháng vượt quá 50% giới hạn cho phép.

***Chi tiết xem nội dung bản tin./.***

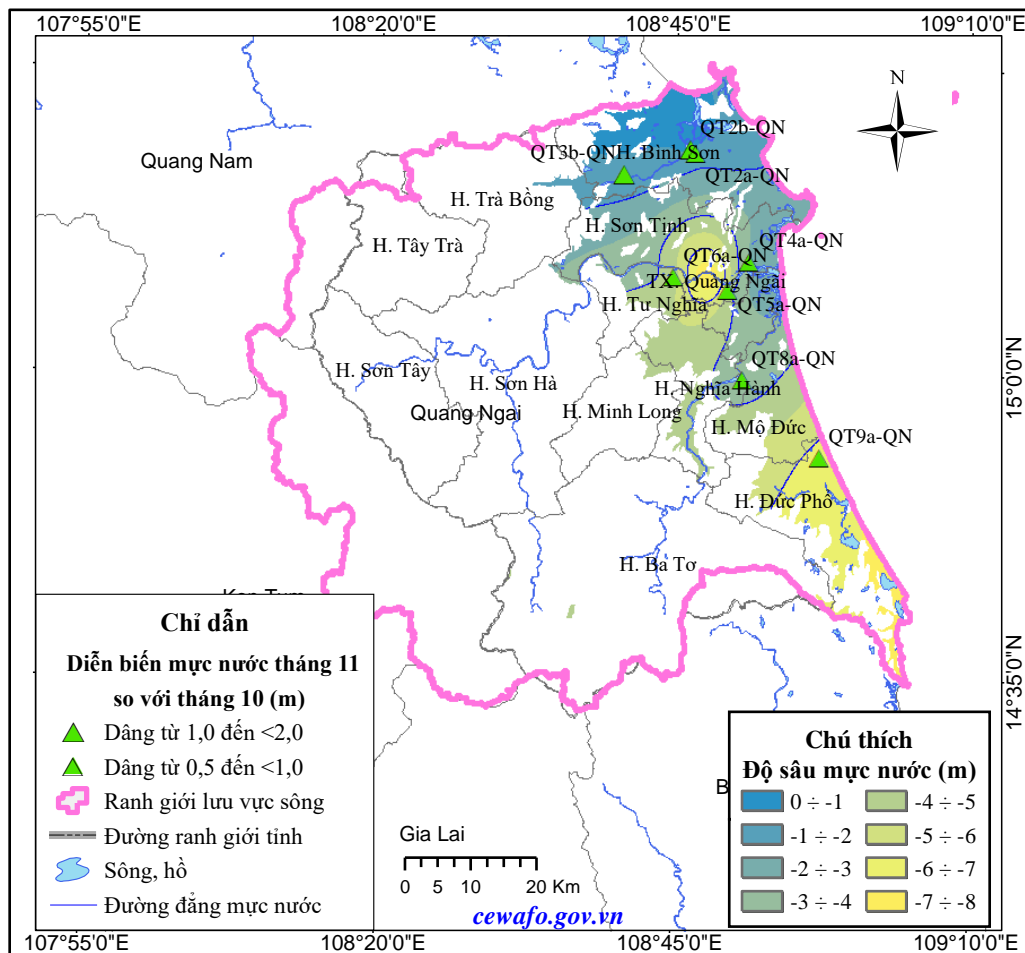
## II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

### 2.1 Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất

#### 2.1.1 Mục nước

##### 2.1.1.1 Tầng chứa nước Holocene (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng, có 8/8 công trình mực nước dâng. Giá trị dâng cao nhất là 1,89m tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN).



Hình 1: Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qh

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,34m tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN) và sâu nhất là -8,38m tại xã Phở An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN).

Bảng 1: Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

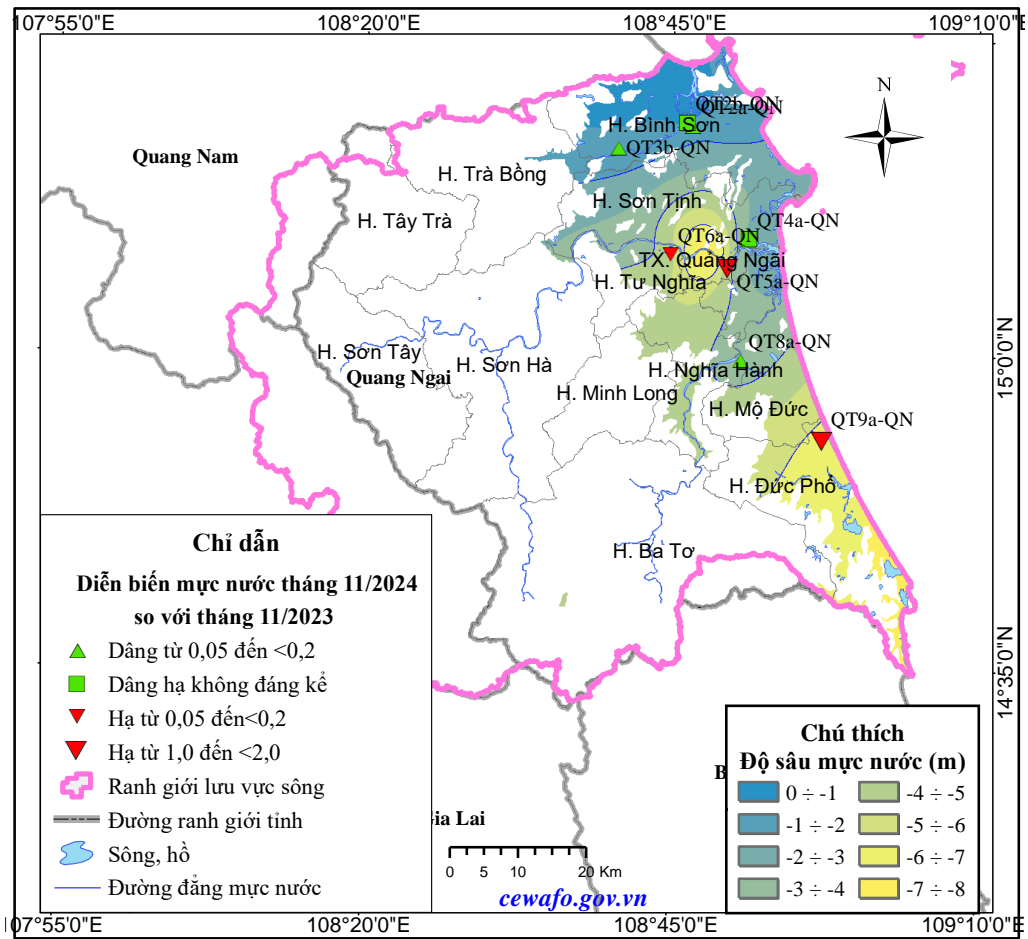
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị	Địa điểm	Giá trị	Địa điểm
tháng 11	-8,38	xã Phở An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN)	-0,34	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN)
1 năm trước (2023)	-8,41	xã Phở An, huyện Đức Phổ (QT9a-QN)	-1,03	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN)

5 năm trước (2019)	-8,70	xã Phở An, huyện Đức Phở (QT9a-QN)	-1,45	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN)
10 năm trước (2014)	-8,71	xã Phở An, huyện Đức Phở (QT9a-QN)	-1,83	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2a-QN)

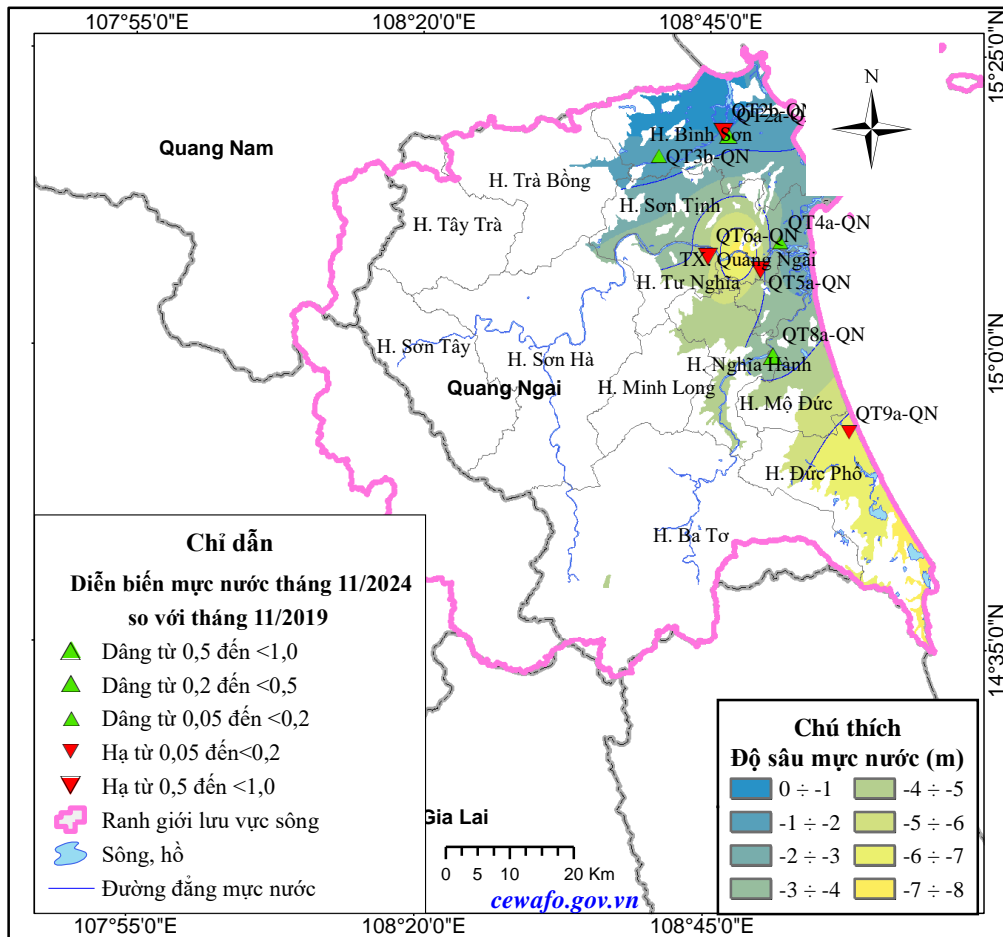
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất so với 1 năm, 5 năm và 10 năm trước lần lượt là 0,65m, 0,59m và 0,55 tại xã Nghĩa Đông, TP.Quảng Ngãi (QT5a-QN), xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN) và xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa (QT6a-QN). Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau.

*Bảng 2: Diễn biến mực nước TB tháng so với cùng thời điểm các năm trước*

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị	Địa điểm	Giá trị	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	0,65	xã Nghĩa Đông, TP.Quảng Ngãi (QT5a-QN)	0,69	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN)
5 năm trước (2019)	Dâng	0,59	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN)	0,50	xã Bình Minh, huyện Bình Sơn (QT3b-QN)
10 năm trước (2014)	Dâng	0,55	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa (QT6a-QN)	1,60	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN)



Hình 2: Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước

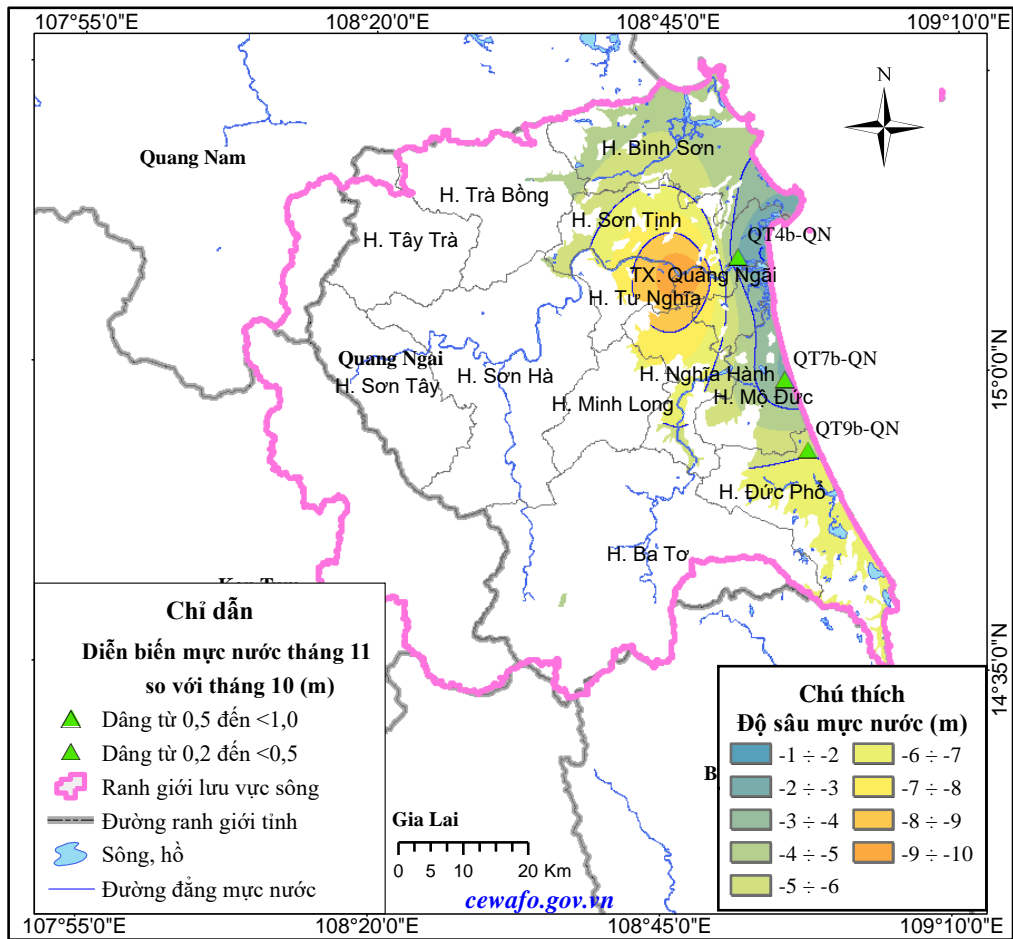


Hình 3: Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

### 2.1.1.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng, có 3/3 công trình mực nước dâng. Giá trị dâng cao nhất là 1,89m tại xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN).





Hình 4: Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tăng qđ

Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,93m tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN) và sâu nhất là -8,17m tại xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN).

Bảng 3: Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

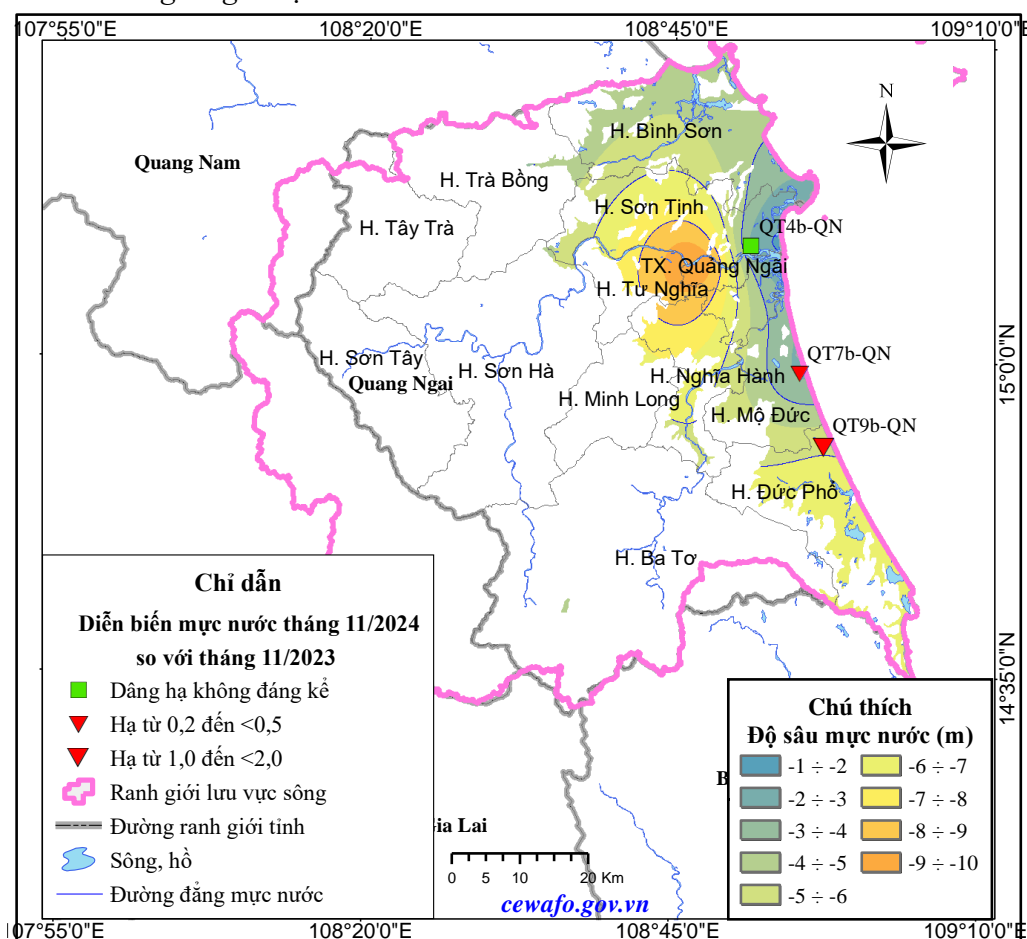
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị	Địa điểm	Giá trị	Địa điểm
tháng 11	-8,17	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)	-2,93	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN)
1 năm trước (2023)	-8,25	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)	-2,66	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN)
5 năm trước (2019)	-8,43	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)	-2,87	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN)
10 năm trước (2014)	-8,68	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)	-3,39	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước, cho thấy mực nước dâng. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau.

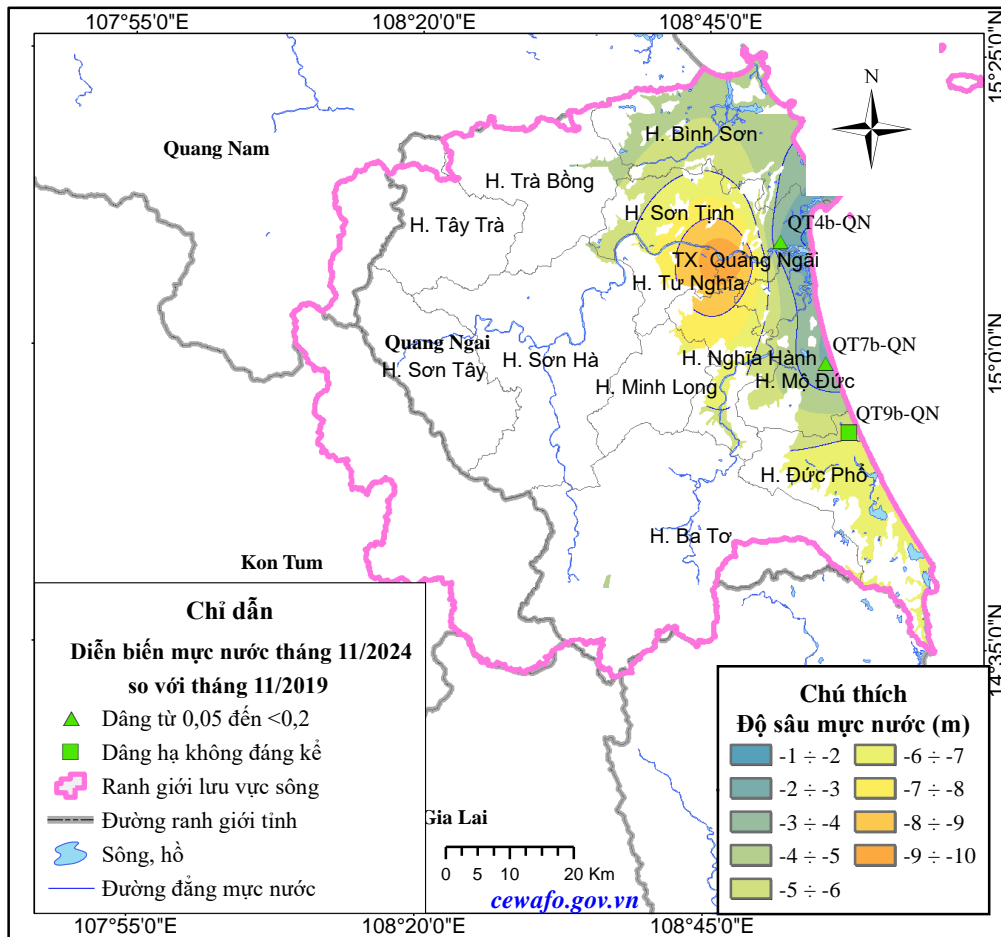
Bảng 4: Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ (m)

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị	Địa điểm	Giá trị	Địa điểm
1 năm trước (2023)	Hạ	0,28	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN)	0,08	xã Phổ An, huyện Đức Phổ (QT9b-QN)
5 năm trước (2019)	Dâng	0,06	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh (QT4b-QN)	0,68	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN)
10 năm trước (2014)	Dâng	-	-	0,91	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN)

Chú thích : “-“ không có giá trị



Hình 5: Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 6: Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

## 2.1.2 Chất lượng nước

### 2.1.2.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa khô năm 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước thuộc loại nước nhạt. Các chỉ tiêu mẫu đa lượng, vi lượng, nhiễm bần và sắt đều nằm trong giới hạn cho phép. Riêng chỉ tiêu hàm lượng Fe vượt GTGH tại công trình QT4a-QN (xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh), QT6a-QN (xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa), QT8a-QN (xã xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức); chỉ tiêu hàm lượng  $NH_4$  vượt GTGH tại công trình QT6a-QN (xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa), QT2a-QN (xã Bình Thới, huyện Bình Sơn).

-Theo kết quả phân tích chất lượng nước quý III năm 2024 Dự án Quan trắc môi trường nước dưới đất các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép.

### 2.1.2.2 Tầng chứa nước Pleistocen (qp)

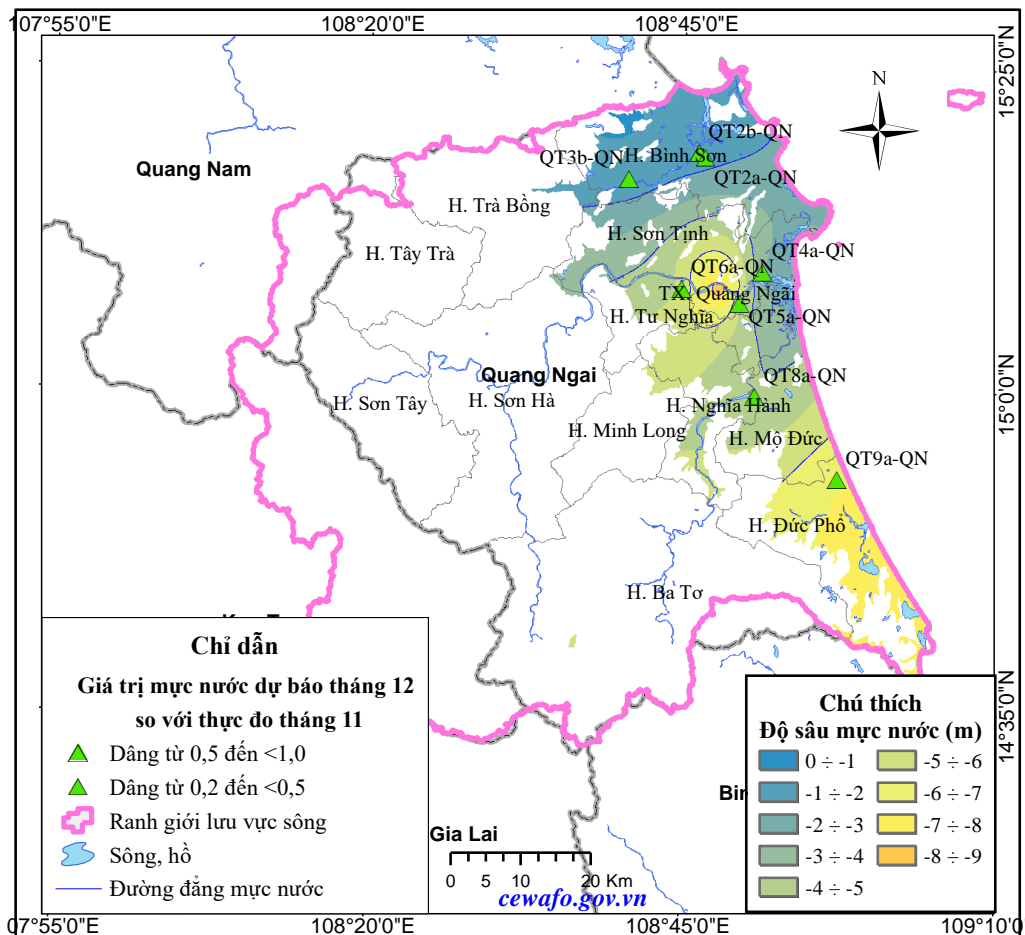
- Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa khô năm 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước thuộc loại nước nhạt. Các chỉ tiêu mẫu đa lượng, vi lượng, nhiễm bần và sắt đều nằm trong giới hạn cho phép. Riêng chỉ tiêu hàm lượng Fe vượt GTGH tại công trình QT4b-QN (xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh)

-Theo kết quả phân tích chất lượng nước quý III năm 2024 Dự án Quan trắc môi trường nước dưới đất các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép.

## 2.2 Dự báo mực nước dưới đất

### 2.2.1 Tầng chứa nước Holocene (qh)

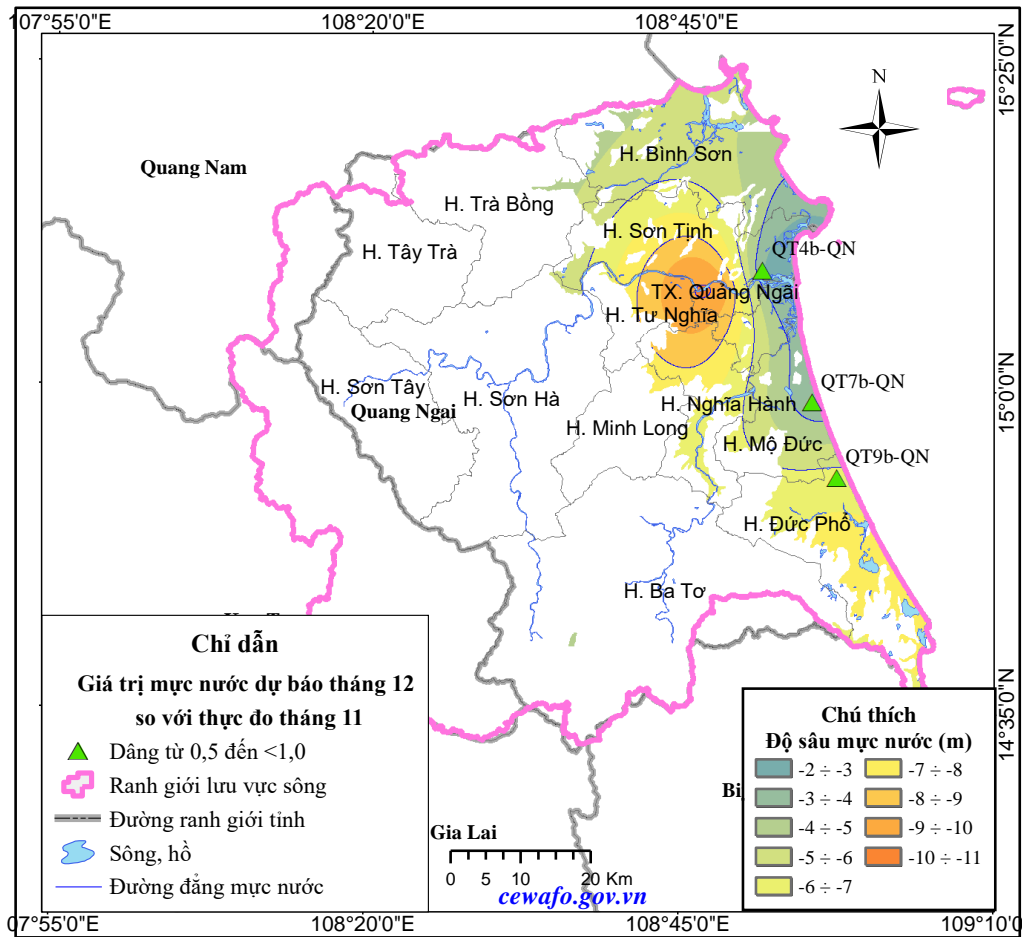
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng, có 8/8 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở xã Bình Thới, huyện Bình Sơn (QT2b-QN).



Hình 7: Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tháng 12 tầng qh

### 2.2.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế dâng, có 3/3 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (QT7b-QN).



Hình 8: Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tháng 12 tầng qđ

### 2.3 Cảnh báo mực nước dưới đất

Theo điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Trà Khúc thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi LVS Trà Khúc chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, tuy nhiên để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trên lưu vực và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Chất lượng nước dưới đất trên địa bàn lưu vực sông Trà Khúc đều thấp hơn QCVN 09:2023/BTNMT, tuy nhiên cần tiếp tục theo dõi chất lượng nước tại một số khu vực đối với các chỉ tiêu hàm lượng Fe và NH<sub>4</sub> vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO <sub>3</sub> - tính theo Nito)	mg/l	15
	4	NH <sub>4</sub> (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO <sub>2</sub> - tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F <sup>-</sup> )	mg/l	1
	11	Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN <sup>-</sup> )	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C <sub>6</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> ))	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> & C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C <sub>12</sub> H <sub>21</sub> N <sub>2</sub> O <sub>3</sub> PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C <sub>10</sub> H <sub>14</sub> N <sub>2</sub> O <sub>5</sub> PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện